

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16/8/2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phước

Ông Đặng Văn Chiểu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Ngoãn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Huyền T, sinh ngày 20/8/1995; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T, anh Đ vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Huyền T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh Trương Văn Đ xây dựng hôn nhân năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đi đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2021 thì đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/5/2021. Quá trình chung sống vợ chồng chị T1 anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau.

Hiện nay, chị T1 nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Chị Ngô Huyền T1 và anh Trương Văn Đ có 01 con chung là Trương Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2020. Khi ly hôn chị T1 đồng ý giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ngô Huyền T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Ngô Huyền T1 kết hôn vào năm 2020 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong cuộc sống hôn nhân anh và chị T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Hiện tại, anh Đ không còn tình cảm với chị T1, anh Đ đồng ý ly hôn với chị Ngô Huyền T1

Về con chung: Chị Ngô Huyền T1 và anh Trương Văn Đ có 01 con chung là Trương Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2020. Hiện nay cháu Q đang chung sống với anh Đ, khi ly hôn anh Đ đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Chị Ngô Huyền T1 và anh Trương Văn Đ có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị T1 và anh Đ là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Ngô Huyền T1 được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Trương Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2020 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. giải quyết.

+ Về án phí: Chị Ngô Huyền T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Ngô Huyền T1 có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Trương Văn Đ, anh Đ có địa chỉ tại huyện

P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T1 có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 và anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Huyền T1 và anh Trương Văn Đ xây dựng hôn nhân năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của Chị T1, anh Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T1 và anh Đ cả hai đều bỏ mặt nhau không gặp nhau để hàn gắn lại hôn nhân, chị T1 xác định không còn tình cảm với anh Đ, không thể tiếp tục chung sống với nhau được và anh Đ cũng thống nhất ly hôn với chị T1. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị T1 và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1, cho chị T1 được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Chị Ngô Huyền T1 và anh Trương Văn Đ có 01 con chung là cháu Trương Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2020. Chị T1 và anh Đ thống nhất tiếp tục giao cháu Q cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên nên được chấp nhận.

Sau khi ly hôn chị Ngô Huyền T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Huyền T1 phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ngô Huyền T1, cho chị Ngô Huyền T1 ly hôn với anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2020 cho anh Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn chị Ngô Huyền T1 quyền và nghĩa vụ thăm mon con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về Nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Ngô Huyền T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Ngô Huyền T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006933 ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Anh Đ không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết công khai bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phước Long;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm